

Bản án số: 48/2026/HNGĐ-ST

Ngày 10/02/2026

V/v “Xin ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - CẦN THƠ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Hà Thía.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Hoàng Bá;
- Ông Đinh Đắc Tư.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Mỹ Y – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ.

Đại diện kiểm sát nhân dân Khu vực 4 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Quốc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 4 - Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 112/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 394/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Quang N, sinh năm 1974 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp L, xã H, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Bà Trần Thị Tuyết N1, sinh năm 1964 (Vắng mặt lần 2).

Địa chỉ: ấp G, xã T, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết trình bày như sau: Hôn nhân của ông và bà N1 đến với nhau là do tự quen biết, tìm hiểu yêu thương nhau khoảng 01 năm thì tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức lễ cưới năm 1997, có đăng ký kết hôn ngày 13/7/2012 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, thành phố Cần Thơ (nay là Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Cần Thơ).

Ông và bà N1 chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, hôn nhân không hạnh phúc nên năm 2015 ông đã bỏ đi và sống ly thân với bà N1 cho đến nay. Trong thời gian ly thân không ai quan tâm ai. Nay ông N xin ly hôn với bà N1 do không còn tình cảm.

Về con chung: Quá trình chung sống ông và N1 có 01 con chung tên Trần Thị Hồng D, sinh ngày 07/9/1999 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Khi

ly hôn, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, riêng và nợ: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Trần Thị Tuyết N1 mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng trong giai đoạn chuẩn bị xét xử không có ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu, chứng cứ; không chấp hành giấy triệu tập, giấy báo của Tòa án; đồng thời vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa: Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và các đương sự đều chấp hành tốt quy định của pháp luật. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho ông N được ly hôn với bà N1. Về con chung đã thành niên nên không xem xét giải quyết. Về tài sản chung, riêng và nợ không xem xét giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

[1] Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Quang N xin ly hôn với bị đơn bà Trần Thị Tuyết N1 thì đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân gia đình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án năm 2025 thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu Vực 4 - Cần Thơ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không lý do nên căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

[2] Về hôn nhân của ông N và bà N1 là hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ. Theo nguyên đơn trình bày nguyên nhân mâu thuẫn của ông, bà chủ yếu là bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong xây dựng hạnh phúc gia đình; vợ, chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến hôn nhân mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc; điều này cũng phù hợp với biên bản xác minh Tòa án lập ngày 17/11/2025. Thời gian ly thân khá dài nguyên đơn, bị đơn không hàn gắn được tình cảm. Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn về yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, tuy nhiên bị đơn không đến Tòa án cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, cho thấy bị đơn không muốn hàn gắn tình cảm với nguyên đơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông N được ly hôn với bà N1 là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 01 con chung tên Trần Thị Hồng D, sinh ngày 07/9/1999 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, riêng và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đối với bị đơn nếu có yêu cầu chia tài sản chung, riêng và nợ thì có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

[6] Lời phát biểu của kiểm sát viên về phần thủ tục tố tụng, cũng như đề xuất về nội dung giải quyết trong vụ án là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các Điều 4, 5, 6, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Các Điều 51, 54, 56, 69 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Trần Quang N được ly hôn với bà Trần Thị Tuyết N1.

- *Về con chung:* có 01 con chung tên Trần Thị Hồng D, sinh ngày 07/9/1999 đã thành niên, có đầy đủ năng lực hành vi dân sự nên không xem xét giải quyết.

- *Về tài sản chung, riêng và nợ:* Không xem xét giải quyết. Bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung, riêng và nợ thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí:* Ông Trần Quang N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được chuyển từ số tiền tạm nộp án phí sang án phí đã nộp theo biên lai số 0004799 ngày 09/10/2025 tại Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ nên nguyên đơn không phải nộp thêm án phí.

- *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (*mười lăm*) ngày kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án, riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày (*mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND KV 4- Cần Thơ;
- VKS KV 4 – Cần Thơ;
- THA dân sự TP Cần Thơ;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Hà Thía